

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VỤ TÍN DỤNG**

CHUYÊN ĐỀ

**THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP
TÍN DỤNG ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
CÁC KHU VỰC, CÁC VÙNG KHÓ KHĂN**

Đơn vị thực hiện: Vụ Tín dụng – Ngân hàng Nhà nước

Năm 2014

PHẦN I. RÀ SOÁT HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG.

Trong những năm qua, chính sách dân tộc, chính sách đối với các khu vực, các vùng khó khăn luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngành Ngân hàng đã chủ động, tích cực đổi mới cơ chế, chính sách tín dụng chung theo nguyên tắc thị trường tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Ngoài chính sách tín dụng thương mại chung, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ vay vốn giảm nghèo, phát triển sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, cụ thể:

1. Về tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCHTW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ngày 12/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về một số chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, thay thế cho Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, NHNN cũng ban hành Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP.

Việc ban hành Nghị định 41/2010/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của NHNN đã tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh phát triển nông nghiệp, nông thôn để giảm nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Theo quy định tại văn bản này, các đối tượng là hộ gia đình, hộ sản xuất kinh doanh, các hợp tác xã, chủ trang trại có thể vay với số tiền từ 50 triệu đồng lên tới 500 triệu đồng không cần tài sản đảm bảo.

Các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 của NHNN gồm:

- Cho vay các chi phí sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm

nghiệp;

- Cho vay phát triển ngành nghề tại nông thôn;
- Cho vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn;
- Cho vay chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối;
- Cho vay để kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ phục vụ nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản;
- Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn;
- Cho vay tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống nhân dân ở nông thôn;
- Cho vay theo các chương trình kinh tế của Chính phủ.

2. Về tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội

2.1. Các chương trình tín dụng chính sách chung

Từ khi mới thành lập năm 1995 dưới tên Ngân hàng Phục vụ người nghèo và sau này chuyển thành Ngân hàng Chính sách xã hội với 3 chương trình tín dụng, đến thời điểm hiện nay, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đang triển khai 15 chương trình tín dụng chính sách theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và một số chương trình tín dụng khác nhận ủy thác của các tổ chức quốc tế (*chi tiết theo Phụ lục 1*). Các chương trình tín dụng chính sách được áp dụng rộng rãi trên toàn quốc (trong đó có khu vực Tây Nguyên) đã góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Một số chương trình tín dụng chính sách đặc thù dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn như: (i) Chương trình cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 được triển khai thực hiện vào cuối năm 2007 (nay được thay thế bằng Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012); (ii) Chương trình cho vay hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 (nay được thay thế bằng Quyết định 755/2013/QĐ-TTg ngày

20/5/2013); (iii)Chương trình cho vay thương nhân vùng khó khăn theo Quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009; (iv) Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007. Các chương trình này do Ủy ban Dân tộc và một số Bộ, ngành quản lý.

Riêng chương trình cho vay mua nhà trả chậm ở khu vực Tây Nguyên theo Quyết định 154/2002/QĐ-TTg ngày 11/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ, đối tượng được thụ hưởng chính sách là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và hộ dân thuộc diện chính sách tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, mỗi hộ được mua trả chậm bằng hiện vật 01 căn nhà với giá trị tối đa 7 triệu đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc cho vay khi hộ dân đã nhận nhà. Đến ngày 15/8/2004, chương trình hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Quyết định 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

2.2. Các chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì ban hành

Riêng về phía ngành Ngân hàng, thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách (*cụ thể theo Phụ lục 2*).

Đối với các chính sách tín dụng ưu đãi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành/chủ trì ban hành không có văn bản riêng về chính sách đặc thù cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thực hiện nhiệm vụ tại các Nghị quyết của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ trì ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành:

a. Thông tư 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP. Theo đó: các hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo khi vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để mua giống gia súc (trâu, bò, dê) hoặc giống gia cầm chăn nuôi tập trung hoặc giống thủy sản; hoặc có nhu cầu phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tạo thu nhập được vay ưu đãi một lần tối đa 5 triệu đồng/hộ với lãi suất 0% trong thời gian 02 năm. Ngoài ra, khi vay vốn tại các ngân hàng thương mại Nhà nước, khách hàng trên địa bàn 62 huyện nghèo vay vốn được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay; các hộ nghèo trên địa bàn vay vốn để trồng rừng sản xuất, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay.

b. Quyết định 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 1200/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo, có hiệu lực kể từ ngày 16/4/2013. Chương trình tín dụng hộ cận nghèo nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của hộ cận nghèo, giúp cho hộ mới thoát nghèo phát triển kinh tế, giảm nguy cơ tái nghèo, thoát nghèo bền vững. Theo quy định tại Quyết định 15/2013/QĐ-TTg, đối tượng hộ cận nghèo trên toàn quốc (không phân biệt khu vực, địa bàn) được vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh với mức vay vốn tối đa không vượt qua mức cho vay đối với hộ nghèo (30 triệu đồng/hộ), mức lãi suất hiện đang áp dụng bằng 120% mức lãi suất cho vay hộ nghèo (9,36%).

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH

I. Về công tác chỉ đạo, thực hiện chính sách của ngành ngân hàng

Trên cơ sở bám sát các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua ngành Ngân hàng đã triển khai quyết liệt

nhiều giải pháp đồng bộ nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, từng bước điều chỉnh cơ cấu dòng vốn tín dụng theo hướng tập trung cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên, tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, các đối tượng chính sách đặc biệt là các đối tượng tại các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể:

- Ban hành văn bản về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, trong đó có đề ra nhiệm vụ thực hiện các giải pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng có hiệu quả, tác động chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng ưu tiên tập trung vốn cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (lĩnh vực ưu tiên); điều chỉnh giảm mạnh các mức lãi suất điều hành, thực hiện trần lãi suất cho vay VND đối với lĩnh vực ưu tiên; triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tạo điều kiện tiếp cận vốn ngân hàng để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Mở rộng mạng lưới chi nhánh ngân hàng: Hoạt động tín dụng của các ngân hàng là một kênh cung ứng vốn quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế và đời sống xã hội. Tại khu vực Tây Nguyên, hầu hết các Tổ chức tín dụng, ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ Tín dụng nhân dân đã có mặt trên địa bàn để cung cấp tín dụng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhiều dịch vụ ngân hàng tiện ích cho người dân. Một số ngân hàng đã có chi nhánh, phòng giao dịch đến tận các huyện, xã vùng sâu, vùng xa (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng chính sách xã hội có chi nhánh đến huyện và thậm chí phòng giao dịch liên xã) để đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân và đã đạt được những kết quả tích cực.

- Khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thanh toán, đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng, từ đó thúc đẩy người dân tích cực sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt rộng rãi, phổ biến đến cả các khu vực nông

thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện có hiệu quả việc cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững: Để đảm bảo ổn định nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chỉ đạo, đôn đốc các TCTD Nhà nước nghiêm túc thực hiện duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ và Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19/11/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nguồn nhận tiền gửi 2% của các TCTD Nhà nước tại NHCSXH tính đến 31/3/2014 đạt 26.344 tỷ đồng và cho vay tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội với dư nợ đến thời điểm 31/3/2014 là 23.796 tỷ đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để đàm phán các chương trình, dự án do các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ tập trung vào đầu tư phát triển cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc. Trong giai đoạn 2005-2012, đã có 52 chương trình/dự án về nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo vay vốn, trong đó có các dự án cho khu vực Tây Nguyên từ ADB và WB, với số giải ngân đến năm 2013 khoảng hơn 3,9 tỷ USD.

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng tham gia hỗ trợ an sinh xã hội, đặc biệt là cho các vùng nghèo và các đối tượng chính sách đặc biệt khó khăn. Các chương trình an sinh xã hội chủ yếu tập trung vào mục đích hỗ trợ hộ nghèo và các gia đình chính sách về nhà ở, về giáo dục, về y tế và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng... góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao kiến thức, trình độ và chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của đồng bào các dân tộc trên cả nước nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ban

chi đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tổ chức thành công hội nghị xúc tiến đầu tư và an sinh xã hội tại 3 khu vực nhằm kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh của từng vùng nhằm góp phần phát triển kinh tế – xã hội tại các địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành liên quan trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, xử lý các vấn đề liên quan đến chương trình giảm nghèo nói chung, trong đó có các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

II. Kết quả thực hiện.

1. Vùng Tây Bắc.

Vùng Tây Bắc bao gồm 12 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang và 21 huyện phía Tây của tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Chiếm gần 1/3 diện tích cả nước với trên 9,8 triệu dân (tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số), Tây Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng với 9 tỉnh biên giới giáp Trung Quốc, Lào, Campuchia, được coi phen dậu của Tổ quốc. Xây dựng vùng Tây Bắc vững mạnh toàn diện là nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh lâu dài của đất nước.

Với đặc điểm tự nhiên đặc thù, Tây Bắc là khu vực giàu tài nguyên rừng, khoáng sản ở nước ta với trữ lượng như thủy điện, khoáng sản, đất hiếm,... Đây là thế mạnh lớn, cơ sở quan trọng để phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản góp phần đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của vùng và cả nước. Địa hình đa dạng, quỹ đất rộng, Tây Bắc có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau nên việc phát triển đa dạng nông nghiệp có nhiều thuận lợi, là khu vực có kinh tế cửa khẩu quan trọng của cả nước.

Bên cạnh đó, Tây Bắc là vùng có tiềm năng lớn về du lịch phong phú, đặc điểm tự nhiên phong phú, đa dạng với các hồ nước lớn, rừng nguyên sinh, di tích lịch sử và văn hóa truyền thống của các đồng bào dân tộc, du lịch lễ hội,...

là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế, chính trị của khu vực, trong những năm vừa qua, ngành Ngân hàng luôn bám sát chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ đối với khu vực để có những chính sách đầu tư phù hợp nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng, từng bước nâng cao đời sống người dân, ổn định kinh tế - chính trị trên toàn khu vực.

1.1. Tình hình hoạt động tín dụng trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Bắc:

a. Về công tác huy động vốn:

Đến tháng 31/03/2014, tổng nguồn vốn huy động (bao gồm huy động của tổ chức, cá nhân và phát hành GTCG) trên địa bàn 12 tỉnh Tây Bắc đạt 94.159 tỷ đồng, tăng 4,52 % so với 31/12/2013, chiếm tỷ trọng 2,43% so với tổng huy động vốn của cả nước tháng 03/2014. Nguồn vốn huy động tại chỗ mới chỉ đáp ứng được khoảng 72,8% tổng nhu cầu vốn tại địa bàn. Một số tỉnh tăng trưởng huy động thấp so với năm trước như: Lai Châu tăng 1,2%, Phú Thọ tăng 1,6%, Yên Bái tăng 2,9%, Điện Biên tăng 3%,...

b. Về hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ cho vay tại vùng Tây Bắc đến 31/3/2014 đạt 129.308 tỷ đồng, tăng 0,5% so với 31/12/2013, chiếm tỷ trọng 3,7% so với tổng dư nợ toàn quốc tháng 03/2014.

Thời gian qua, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng cho nền kinh tế. Cùng với việc nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay, thực hiện tốt việc phân tích nợ, đánh giá rủi ro để có biện pháp thu hồi nợ quá hạn và ngăn ngừa nợ quá hạn phát sinh. Tổng nợ xấu tại khu vực Tây Bắc đến 31/3/2014 là khoảng 1.691 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,3 % trên tổng dư nợ toàn vùng, đây là mức thấp so với chỉ tiêu chung toàn quốc.

Tín dụng ngân hàng đã đáp ứng vốn cho tất cả các lĩnh vực, chương trình, dự án của khu vực này; cụ thể:

- Đến cuối tháng 3/2014, dư nợ cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc đạt 56.963 tỷ đồng, chiếm hơn 44% tổng dư nợ tín dụng toàn vùng và chiếm khoảng 8,4% tổng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn toàn quốc.

- Tổng dư nợ tín dụng chính do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện trong khu vực Tây Bắc đến 31/03/2014 đạt 20.526 tỷ đồng, chiếm 16,5% tổng dư nợ toàn hệ thống, giảm 16% so với 31/12/2013, với 1.028.102 khách hàng còn dư nợ. Một số chương trình tín dụng có dư nợ lớn, cụ thể:

* Cho vay hộ nghèo thiếu vốn sản xuất đạt 9.369 tỷ đồng, chiếm 45,6% tổng dư nợ của NH CSXH trên khu vực, giúp 525.171 hộ nghèo được vay vốn;

* Cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt 2.506 tỷ đồng, chiếm 12,2% tổng dư nợ của NH CSXH trên khu vực, tạo điều kiện cho 131.519 học sinh, sinh viên nghèo có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn;

* Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đạt 1.244 tỷ đồng, chiếm 6,1% tổng dư nợ của NH CSXH trên khu vực, với hơn 166.562 khách hàng vay vốn;

* Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh đạt 4.171 tỷ đồng, chiếm 20,3% tổng dư nợ của NH CSXH trên khu vực, với hơn 185.402 lượt khách hàng vay vốn;

* Cho vay giải quyết việc làm đạt 848 tỷ đồng, thu hút 39.913 lao động có việc làm;

* Cho vay hộ cận nghèo đạt 993 tỷ đồng, giúp 40.728 khách hàng vay vốn;

* Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167 đạt 918 tỷ đồng, với hơn 115.278 khách hàng vay vốn;

- Đến 28/2/2014, dư nợ tín dụng đối với ngành thương mại dịch vụ đạt

44.189 tỷ đồng, so với 31/12/2013 giảm 3,2%, chiếm tỷ trọng 34% trên tổng dư nợ toàn khu vực. Trong đó dư nợ lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 1.022 tỷ đồng, dư nợ lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi và giải trí đạt 76,5 tỷ đồng.

- Do đặc điểm địa lý, khu vực Tây Bắc là vùng có lợi thế, tiềm năng về thủy điện, trong thời gian qua, Ngành Ngân hàng đã tích cực đầu tư cho xây dựng nhiều dự án lớn cụ thể:

* Dự án đường dây 500kV Sơn La – Lai Châu: đến nay dự án đã hoàn thành công tác khảo sát lập dự án đầu tư, dự án có tổng mức đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng Nhà nước đã phê duyệt cho ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt nam được cấp tín dụng vượt giới hạn cho phép là 3.200 tỷ đồng đối với dự án này.

* Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Sơn La - Lai Châu: Dự án đã hoàn thành đưa vào vận hành, theo đó các NHTM nhà nước cam kết cho vay đối với dự với tổng số tiền là 17.600 tỷ đồng (Ngân hàng Nông nghiệp là ngân hàng đầu mối giải ngân cho dự án). Đến nay, các ngân hàng đã giải ngân đáp ứng đủ nhu cầu vốn vay của dự án và đã bắt đầu thực hiện thu nợ từ tháng 11/2013. Quá trình cho vay và thu nợ vốn vay diễn ra thuận lợi không phát sinh khó khăn, vướng mắc. Đến ngày 24/3/2014, các ngân hàng đã giải ngân được 90,8% giá trị hợp đồng

* Dự án điện Lai Châu: đây là công trình quan trọng, trọng điểm quốc gia có trách nhiệm cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, góp phần cùng với các nhà máy thủy điện trên sông Đà phục vụ chống lũ về mùa mưa, cấp nước về mùa khô cho đồng bằng Bắc Bộ và góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lai Châu, Điện Biên và cả vùng Tây Bắc. Ngoài vốn tự có của chủ đầu tư, dự án đã vay vốn VDB, Quỹ Bảo hiểm xã hội, vay vốn nước ngoài, riêng vay vốn thương mại là 14.500 tỷ đồng. Việc thu xếp, giải ngân vốn vay thương mại cho Dự án thủy điện Lai Châu đang được triển khai đúng tiến độ đề ra, đến ngày 23/4/2014, số tiền các ngân hàng giải ngân cho dự án là 631 tỷ đồng.

1.2. Tiến độ thực hiện các dự án đã cam kết tại Hội nghị xúc tiến đầu

tý khu vực Tây Bắc tháng 3/2013:

Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư và ASXH khu vực Tây Bắc lần I tổ chức vào cuối tháng 3/2013 tại tỉnh Tuyên Quang, ngành ngân hàng thực hiện ký kết 14 hợp đồng nguyên tắc tài trợ vốn cho các lĩnh vực thế mạnh của vùng với số tiền lên tới 19.996 tỷ đồng. Đến ngày 31/3/2014, các ngân hàng đã bước đầu giải ngân cho vay một số dự án với doanh số là 2.295 tỷ đồng và 8,649 triệu USD; Dư nợ là 1.787 tỷ đồng và 8,649 triệu USD. Do tính chất đặc thù các dự án đầu tư tại khu vực Tây Bắc tập trung ở các lĩnh vực thủy điện, khai thác khoáng sản và các dự án lớn nên thời gian tới các ngân hàng sẽ tiếp tục cho vay theo đúng tiến độ giải ngân các dự án đã cam kết. Kết quả cụ thể như sau:

- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam* đã ký kết 02 hợp đồng nguyên tắc cho vay để đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Lai Châu (*Vietcombank là ngân hàng đầu mối thu xếp vốn, các ngân hàng tài trợ và Vietcombank, BIDV, Agribank, Vietinbank*), và dự án nhà máy sản xuất Axit Photphoric; Đến 31/03/2014, dư nợ cho vay đạt 644 tỷ đồng.

- *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam* đã ký kết hợp đồng tài trợ vốn với 2 dự án đầu tư phát triển nhà máy Dioxit Titan và khai thác mỏ lộ thiên vốn là thế mạnh của khu vực, bên cạnh đó tài trợ vốn lưu động đối với 02 doanh nghiệp, đến 31/03/2014, doanh số cho vay đạt 1.036 tỷ đồng, dư nợ cho vay là 548 tỷ đồng.

- *Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam* ký kết hợp đồng nguyên tắc tài trợ vốn đối với 06 dự án chủ yếu là khai thác, chế biến khoáng sản, dự án trồng cao su và mía đường, đến 31/3/2014, doanh số cho vay đạt 562 tỷ đồng, dư nợ cho vay là 542 tỷ đồng.

- *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:* Ký hợp đồng với đầu tư dự án nâng cấp mở rộng nhà máy thủy điện Suối Sập hiện hồ sơ khách hàng đang hoàn thiện; Ngân hàng ký hợp đồng đầu tư dự án nhà máy thủy điện Nậm Chim 2, hiện dư nợ cho vay đạt 53 tỷ và 8,649 triệu USD.

- *Ngân hàng Chính sách xã hội:* kí thỏa thuận hợp tác với Ban chỉ đạo Tây

Bắc về tăng cường phối hợp thực hiện tín dụng chính sách góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội tại khu vực. Phấn đấu tăng trưởng dư nợ 10 - 15%/năm trong giai đoạn 2013 -2017. Đến 2015 -2017, dư nợ tăng khoảng 16.000 tỷ đồng, đưa dư nợ cuối năm 2017 đạt trên 38.000 tỷ đồng.

1.3. Đánh giá về hoạt động đầu tư tín dụng tại khu vực Tây Bắc

a. Mặt tích cực:

- Về cơ bản nguồn vốn tín dụng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc, bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn, đồng thời phát huy những tiềm năng lợi thế trong vùng như lâm nghiệp, khai khoáng.

- Ngoài các chương trình cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung, việc tham gia vốn tín dụng cho các dự án trọng điểm, các dự án lớn trong khu vực đã tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong vùng.

- Các chương trình tín dụng chính sách của Nhà nước đã từng bước góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống và bảo đảm an sinh xã hội khu vực; Cơ sở hạ tầng và bộ mặt các vùng nông thôn trong khu vực đã có những thay đổi đáng kể theo chiều hướng tích cực.

- Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan Đảng và chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch được giao, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần tích cực vào chương trình mục tiêu Quốc gia xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

b. Mặt hạn chế:

- Huy động vốn dài hạn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng dư nợ, trong khi nhu cầu vay vốn trung, dài hạn lớn do đặc điểm sản xuất tại địa phương và do tập

trung nhiều dự án trọng điểm của quốc gia. Nguồn vốn huy động trên địa bàn không ổn định, chủ yếu là nguồn vốn không kỳ hạn và vốn ngắn hạn. Vì vậy hầu hết các NHTM chi nhánh trên địa bàn vẫn chưa tự cân đối đủ nguồn vốn trung và dài hạn cho vay để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, chủ yếu phải nhận vốn điều hòa từ hội sở chính của các NHTM.

- Do những khó khăn về địa lý, kinh tế - xã hội, thời gian qua, các ngân hàng dù đã tích cực mở rộng mạng lưới để cung ứng dịch vụ ngân hàng cho phát triển kinh tế vùng, tuy nhiên, vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển, đặc biệt việc mở rộng các mạng lưới các NHTM cổ phần còn hạn chế và mới tập trung chủ yếu trên các địa bàn thuận lợi.

- Nhu cầu vay vốn trung và dài hạn trên địa bàn lớn (là khu vực tập trung nhiều công trình lớn cấp quốc gia), song do nguồn huy động trung và dài hạn trên địa bàn thấp, không đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế này. Dư nợ tín dụng trung và dài hạn mặc dù có tốc độ tăng trưởng khá nhưng chỉ chiếm tỷ trọng thấp so với tổng dư nợ toàn quốc, cũng như nhu cầu đầu tư.

- Nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tại khu vực là rất lớn trong khi đó nguồn vốn tín dụng chính sách từ Ngân sách nhà nước còn hạn chế.

- Do đối tượng khách hàng vay vốn chủ yếu là hộ sản xuất, hộ nông dân (tỷ lệ người nghèo, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao) vì vậy mà trình độ sản xuất còn bất cập; các doanh nghiệp thường quy mô nhỏ, năng lực tài chính và khả năng quản lý còn hạn chế, khả năng hấp thụ và sử dụng vốn vay ngân hàng còn hạn chế, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh thiếu sự quy hoạch đồng bộ,... Vì vậy, cần có tổng kết, đánh giá để có giải pháp cụ thể trong thời gian tới.

Trong quan hệ tín dụng với ngân hàng, tài sản đảm bảo chủ yếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tuy nhiên công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay còn nhiều vướng mắc, gây ảnh hưởng tới hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng.

II. KHU VỰC TÂY NGUYÊN.

Tây Nguyên là cao nguyên nằm ở khu vực Miền Trung Việt Nam, bao gồm 5 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng với diện tích tự nhiên rộng lớn, dân số trên 5 triệu người, là khu vực có vị trí địa lý chiến lược, nơi sinh sống gắn bó của nhiều dân tộc anh em. Vì vậy, trong những năm qua Đảng và Nhà nước, các ngành trong đó có Ngành ngân hàng, rất quan tâm đầu tư cho việc nhằm phát huy những tiềm năng, lợi thế của vùng để phát triển kinh tế và nâng cao đời sống xã hội của đồng bào các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Cụ thể như sau:

1. Tình hình hoạt động tín dụng trên địa bàn các tỉnh vùng Tây nguyên:

1.1. Công tác huy động vốn:

Đến 31/12/2013, nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt: 70.744 tỷ đồng, tăng 11,68% so với năm 2012, chiếm gần 2% tổng huy động toàn nền kinh tế. Huy động ước đến cuối Quý 1/2014 đạt 74.500 tỷ đồng (tăng 5,31% so với cuối năm 2013), cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng, %

S T T	Tỉnh, thành phố	Đến 31/12/2013		Đến 31/3/2014	
		Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ lệ +/- so 31/12/2012	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ lệ +/- so 31/12/2013

1	Kon Tum	6.379	17,09%	6.700	5,03%
2	Gia Lai	18.526	14,49%	18.500	-0,14%
3	Đăk Nông	3.625	9,06%	4.483	23,67%
4	Đăk Lăk	20.675	8,15%	21.017	1,66%
5	Lâm Đồng	21.539	11,75%	23.800	10,50%
	Tổng cộng	70.744	11,68%	74.500	5,31%

1.2. Hoạt động tín dụng:

a. Kết quả chung:

Đến 31/12/2013, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên đạt 124.394 tỷ đồng, tăng 19,06% so với 31/12/2012, chiếm 3,58% tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế.

Nguồn vốn huy động đã đáp ứng được gần 57% nguồn vốn cho vay của vùng.

Đến cuối Quý 1/2014, dư nợ tín dụng trên địa bàn ước đạt 124.195 tỷ đồng, giảm 0,16% so với cuối năm 2013.

Đơn vị: tỷ đồng, %

T T T	Tỉnh, thành phố	Đến 31/12/2013		Đến 31/3/2014	
		Dư nợ	Tỷ lệ +/- so 31/12/2012	Dư nợ	Tỷ lệ +/- so 31/03/2014

1	Kon Tum	11.357	14,88%	11.337	-0,18%
2	Gia Lai	36.711	24,80%	36.600	-0,30%
3	Đăk Nông	9.323	16,41%	9.090	-2,50%
4	Đăk Lăk	40.258	15,97%	40.268	0,02%
5	Lâm Đồng	26.745	19,09%	26.900	0,58%
	Tổng cộng	124.394	19,06%	124.195	-0,16%

-Chất lượng tín dụng: Nợ xấu của khu vực Tây Nguyên đến cuối năm 2013 đạt khoảng 1.690 tỷ đồng, chiếm 1,4% dư nợ toàn vùng, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu toàn quốc.

b. Tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn

Hiện nay, ngoài 6 tổ chức tín dụng có tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt trên 40% (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Hợp tác xã luôn duy trì tỷ trọng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn ở mức gần 70%); các ngân hàng thương mại khác cũng đang quan tâm và tích cực đẩy mạnh cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Mức tăng trưởng bình quân cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trên toàn quốc trong giai đoạn từ năm 2005 - 2013 đạt gần 22%, riêng trong giai đoạn 2010-2013 (kể từ khi Nghị định 41/2010/NĐ-CP ra đời) mức tăng trưởng bình quân đạt 23%.

Riêng khu vực Tây Nguyên, dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn đến 31/12/2013 đạt 62.482 tỷ đồng, tăng 17,78% so với cuối năm 2012, và chiếm khoảng 9,3% tổng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn toàn quốc. Cụ thể, dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn 2011-2013 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Thời điểm	Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn toàn quốc	Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn khu vực Tây Nguyên	Tỷ trọng so với dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn toàn quốc(%)
1	31/12/2011	499.056	42.260	8,47
2	31/12/2012	561.533	51.417	9,15
3	31/12/2013	671.986	62.482	9,30

c. Tín dụng cho một số lĩnh vực kinh tế có thể mạnh

c.1. Tín dụng đối với ngành cà phê

Với lợi thế lớn về cây cà phê, chiếm khoảng 90% diện tích trồng cà phê cả nước, do đó việc cho vay của các tổ chức tín dụng đối với địa bàn Tây Nguyên tập trung chủ yếu vào cho vay trồng, chăm sóc, chế biến cây cà phê để phát huy lợi thế này. Nguồn vốn tín dụng về cơ bản đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh tại các tỉnh, phát huy tiềm năng, lợi thế của khu vực đặc biệt là cây cà phê. Nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân và từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn của khu vực Tây Nguyên.

Dư nợ cho vay cà phê trong giai đoạn 2010-2013 liên tục tăng, trong đó chủ yếu là cho vay xuất khẩu cà phê. Đến 31/03/2014, dư nợ cho vay cà phê đạt 33.372 tỷ đồng, tăng 8,35% so với 31/12/2013. Nợ xấu cho vay cà phê đến 31/03/2014 (sau khi các TCTD thực hiện cơ cấu lại nợ, không điều chuyển nhóm nợ đối với các doanh nghiệp ngành cà phê) đạt 1.784 tỷ đồng, chiếm 5,34% tổng dư nợ cho vay ngành cà phê. Nợ xấu chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp ngành cà phê là hơn 1.424 tỷ đồng, chiếm gần 80% tổng nợ xấu cà phê.

Riêng khu vực Tây Nguyên, dư nợ cho vay cà phê tại khu vực này luôn

chiếm tỷ trọng lớn trong dư nợ toàn quốc (khoảng hơn 70% dư nợ toàn quốc). Trong giai đoạn 2010-2013, mức tăng trưởng bình quân dư nợ cho vay cả phê tại khu vực này đạt khoảng 27%, cao hơn mức tăng trưởng bình quân cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn quốc. Dư nợ cho vay cả phê đến hết năm 2013 tại khu vực Tây Nguyên đạt 25.600 tỷ đồng, tăng 20,01% so với cuối năm 2012 và gấp 2 lần so với dư nợ cuối năm 2010 (thời điểm Nghị định 41/2010/NĐ-CP ra đời).

c.2. Tín dụng đối với một số dự án được ký tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư và an sinh xã hội năm 2013

Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư và ASXH khu vực Tây Nguyên tổ chức vào tháng 4/2013 tại Gia Lai, ngành ngân hàng thực hiện ký kết 28 hợp đồng nguyên tắc tài trợ vốn cho các lĩnh vực thế mạnh của vùng với số tiền lên tới 23.899 tỷ đồng. Đến ngày 31/03/2014, các ngân hàng đã bước đầu giải ngân cho vay một số dự án với dư nợ đạt 1.367 tỷ đồng. Việc thực hiện giải ngân các cam kết tại Hội nghị xúc tiến đầu tư Tây Nguyên sẽ tiếp tục được thực hiện trong các văn bản tiếp theo do tính chất và mục đích của các cam kết tài trợ chủ yếu cho tái canh cà phê (đang chờ quy hoạch và lộ trình tái canh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án cụ thể của từng tỉnh), trồng rừng cao su, xây dựng, thủy điện.

Tính đến ngày 31/12/2013, các TCTD đã tích cực thu xếp vốn và đầu tư cho vay đối với các dự án điện trên địa bàn 03 tỉnh khu vực Tây Nguyên. Trong đó tổng số vốn vay thương mại các TCTD cam kết đối với một số dự án điện lớn trên địa bàn như (i) Dự án đường dây 220kv Đăk Nông - Phước Long - Bình Long, (ii) Dự án đường dây 500kv Pleiku – Mỹ Phước - Cầu Bông, (iii) Dự án nhà máy thủy điện An Khê – Ka Nak, (iv) Dự án thủy điện Sông Ba Hạ, (v) Dự án thủy điện Sê San 4, (vi) Dự án thủy điện Srêpok 3 là 9.242 tỷ đồng. Khi các dự án điện này đi vào hoạt động dự kiến sẽ góp phần nâng cao năng suất, tính ổn định, tin cậy cho hệ thống điện của cả nước đồng thời góp phần đảm bảo cung cấp đầy đủ năng lượng điện cho khu vực Tây Nguyên.

2. Tín dụng chính sách tại Ngân hàng chính sách xã hội

Là khu vực có nhiều tiềm năng, tuy nhiên Tây Nguyên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số đông, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng kém phát triển...vì vậy rất cần các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, trong đó có các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội. Hiện nay, đồng bào các dân tộc Tây nguyên đang thụ hưởng nhiều chương trình tín dụng chính sách lớn của Nhà nước và một số chương trình do ngân sách của các địa phương với tổng dư nợ đến 30/4/2014 đạt 10.402 tỷ đồng, chiếm 8,3% tổng dư nợ toàn quốc với khoảng 667.059 khách hàng còn dư nợ. Dư nợ tập trung chủ yếu vào các chương trình tín dụng sau: Cho vay hộ nghèo; Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; Cho vay giải quyết việc làm; Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; Cho vay hộ cận nghèo.

Ngoài ra, kết quả cho vay một số chương trình tín dụng đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn tại khu vực Tây Nguyên như sau:

- Cho vay huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và Thông tư 06/2009/TT-NHNN: Tại khu vực Tây Nguyên có 3 huyện được hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP bao gồm: huyện Kon Plong, huyện Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum); huyện Đam Rông (tỉnh Lâm Đồng). Tính đến 31/12/2013, dư nợ cho vay đối với 3 huyện này đạt 45.476 triệu đồng với 687 khách hàng còn dư nợ.

- Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định 15/2013/QĐ-TTg: Đến 30/4/2014, dư nợ cho vay theo chương trình này tại khu vực Tây Nguyên đạt 611.945 triệu đồng, chiếm 5,9% tổng dư nợ của chương trình, với 29.546 khách hàng còn dư nợ.

- Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định 32/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 (được thay thế bởi Quyết định 54/2012/QĐ-TTg ngày 4/12/2012): đến 30/4/2014 dư nợ của chương trình này tại khu vực Tây

Nguyên đạt 74.449 triệu đồng, với 14.415 khách hàng còn dư nợ.

- Cho vay mua nhà trả chậm ở khu vực Tây Nguyên theo Quyết định 154/2002/QĐ-TTg ngày 11/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 15/8/2004 (thời điểm hết hiệu lực thi hành), kết quả đạt được như sau: Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho vay được 2.190 căn nhà với số tiền cho vay 15.330 triệu đồng. Đến 30/4/2014, chương trình vẫn còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 7.108 triệu đồng, 1.384 khách hàng còn dư nợ.

- Cho vay hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định 31/2007/QĐ-TTg: đến 30/4/2014, dư nợ cho vay chương trình này tại khu vực Tây Nguyên đạt 2.092.797 triệu đồng với 103.207 khách hàng còn dư nợ.

- Cho vay thương nhân vùng khó khăn theo Quyết định 92/2009/QĐ-TTg: đến 30/4/2014, dư nợ cho vay chương trình tại khu vực này đạt 46.506 triệu đồng với 1.569 khách hàng còn dư nợ.

3. Đánh giá về hoạt động đầu tư tín dụng tại khu vực Tây Nguyên.

a. Về kết quả đạt được

- Qua hơn 25 năm đổi mới, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, NHNN đã chỉ đạo, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành/trình ban hành thực hiện nhiều chính sách, cơ chế tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng: người nghèo và các đối tượng chính sách, tổ chức kinh tế ở miền núi cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn trong việc ưu đãi lãi suất, điều kiện cho vay không phải thế chấp tài sản, thủ tục hồ sơ vay vốn cải tiến theo hướng đơn giản, tăng mức vốn cho vay... Qua đó đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, vùng có điều kiện khó khăn, ổn định chính trị, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp dân cư. Cơ chế tín dụng ưu đãi đã không ngừng được đổi mới, hoàn thiện, nhằm khắc phục các mặt hạn chế theo hướng tách bạch tín dụng ưu đãi ra khỏi tín dụng thương mại theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Các chương trình, chính sách giảm nghèo đã huy động sức mạnh, sự vào

cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội cùng với sự vươn lên của chính người nghèo...đã tạo nguồn lực to lớn thực hiện hiệu quả công tác có ý nghĩa xã hội sâu sắc này. Những thành tựu có được trong xóa đói giảm nghèo là nhờ nỗ lực chung của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có sự đóng góp không nhỏ ngành ngân hàng với sự tham gia của Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách và sự tham gia của các ngân hàng thương mại trong hoạt động an sinh xã hội và cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn từ khi ban hành đã thực sự đi vào cuộc sống, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và thực sự trở thành “kênh” dẫn vốn về khu vực nông nghiệp nông thôn, góp phần đáng kể trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo ở một bộ phận người nông dân gặp khó khăn về kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội ở khu vực nông thôn.

- Thông qua vốn vay tại NHCSXH, người nghèo và các đối tượng chính sách có cơ hội cho con em đi học, đi xuất khẩu lao động tăng thu nhập cho gia đình, thu nguồn ngoại tệ về cho đất nước, nâng cao sức sản xuất hàng hóa, cải thiện cuộc sống. Kết quả là rất nhiều người nghèo đã tự vươn lên thoát nghèo bền vững đồng thời tạo ra nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho những hộ nghèo khác, đảm bảo mục tiêu ổn định xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước. Tính đến năm 2013 đã có trên 21,4 triệu lượt hộ nghèo và đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi, góp phần giúp trên 2,9 triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo, thu hút tạo việc làm cho gần 2,6 triệu lao động, hơn 3 triệu học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập, xây dựng trên 4,2 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hơn 98 nghìn lao động thuộc gia đình chính sách được vay vốn đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài. Trong đó riêng khu vực Tây Nguyên, đã có trên 117.364 hộ thoát nghèo, trên 608.129 lao động được tạo việc làm mới nhờ vốn vay của các chương trình tín dụng, trên 188.697 học sinh sinh viên được vay vốn đi học, trên 201.150 công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn được xây dựng...

- Bên cạnh hoạt động cho vay, hệ thống ngân hàng thương mại đã tích cực tham gia, thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ an sinh xã hội, đặc biệt là cho các vùng nghèo và các đối tượng chính sách đặc biệt khó khăn. Hàng ngàn tỷ đồng được dành cho các chương trình an sinh xã hội trên cả nước, chủ yếu tập trung vào mục đích hỗ trợ hộ nghèo và các gia đình chính sách, về nhà ở (xóa hàng chục nghìn căn nhà tạm, dột nát), về giáo dục (xây dựng trường học tại các xã vùng cao), về y tế (tài trợ hàng chục xe cứu thương và xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện và các trạm y tế xã) và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng... bảo đảm an sinh xã hội trên cả nước nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Về khó khăn, vướng mắc

- Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh, đặc biệt là tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, nhưng nhiều nơi tỷ lệ nghèo vẫn còn cao, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm gần 50% tổng số hộ nghèo của cả nước, thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của cả nước. Riêng khu vực Tây Nguyên, theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013, số hộ nghèo ở khu vực Tây Nguyên là 158.486 hộ, chiếm tỷ lệ 12,56%, cao hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của toàn quốc.

- Nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội của khu vực là rất lớn trong khi khả năng huy động vốn tại chỗ còn thấp (thường chỉ đáp ứng được trên 60% vốn tín dụng). Vì vậy, các tổ chức tín dụng phải thực hiện điều chuyển vốn từ khu vực khác cho khu vực Tây Nguyên.

- Vấn đề quy hoạch, phát huy thế mạnh của vùng còn thiếu bền vững đã ảnh hưởng đến kết quả đầu tư tín dụng ngân hàng trên địa bàn.

- Công tác điều tra, xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; có nơi chưa rà soát, bổ sung kịp thời những hộ mới phát sinh nghèo, cận nghèo vào danh sách, làm ảnh hưởng tới việc hỗ trợ vốn kịp thời cho các đối tượng này.

- Nhu cầu vốn tín dụng ưu đãi ngày càng lớn trong khi nguồn vốn ưu đãi có hạn, vốn tín dụng ngân hàng vẫn chưa đáp ứng hết được nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là các khu vực kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

PHẦN III. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG CÁC KHU VỰC.

1. Định hướng đầu tư phát triển kinh tế-xã hội khu vực Tây Bắc trong thời gian tới.

Năm 2014, kế hoạch tăng trưởng tín dụng của ngành Ngân hàng từ 12% - 14%, do vậy trong thời gian tới ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng vào các tỉnh Tây Bắc để đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng chung theo kế hoạch của ngành, đồng thời phát huy tiềm năng, lợi thế của khu vực Tây Bắc, cụ thể như sau:

- Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng bám sát Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận số 26-KL/TW ngày 2/8/2012 của Ban chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng tín dụng miền núi bắc bộ đến 2010 – 2020, để đẩy mạnh đầu tư tín dụng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, trong đó có đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ nhằm phát huy thế mạnh về du lịch của Tây Bắc, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn;

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới các tổ chức tín dụng trong khu vực, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để tạo điều kiện cho người dân có vốn sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Từng bước mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ, cải tiến thủ tục hành chính và sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại trên địa bàn;

- Tiếp tục đầu tư cho các dự án trọng điểm tại khu vực Tây Bắc và các công trình trọng điểm khác để tạo ra sự lan tỏa và chuyên dịch cơ cấu kinh tế mạnh trong vùng;

- Tiếp tục ưu tiên vốn cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, đặc biệt là các vật nuôi, cây trồng có thế mạnh của vùng, các cây, con có tính chất xóa đói, giảm nghèo của người dân trong vùng; Gắn cho vay nông nghiệp nông thôn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các địa phương trên địa bàn;

- Tăng cường cho vay đối với người nghèo và các đối tượng xã hội nhằm xóa đói, giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống của người dân trong khu vực. Kết hợp lồng ghép tín dụng chính sách với các chương trình bảo đảm an sinh xã hội khác trên địa bàn để tạo ra hiệu ứng trong chính sách.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát ngân hàng để bảo đảm chất lượng tín dụng và việc sử dụng vốn đúng mục đích.

2. Định hướng đầu tư phát triển tín dụng khu vực Tây Nguyên trong thời gian tới.

a. Định hướng chung

Để phát huy hết tiềm năng, lợi thế của khu vực Tây Nguyên, trong thời gian tới ngành ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng vào các tỉnh Tây Nguyên, cụ thể như sau:

- Xác định nông nghiệp nông dân nông thôn nói chung và đầu tư đối với sản phẩm thế mạnh của khu vực như cà phê, chè, cao su nói riêng vẫn là những lĩnh vực được ưu tiên và ngành ngân hàng sẽ tập trung vốn để đầu tư, khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của các sản phẩm này trong khu vực Tây Nguyên.

- Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa trong khu vực nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương và cả vùng Tây Nguyên.

- Nghiên cứu để xây dựng cơ chế đặc thù trong cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, sơ kết và trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Nghị định 41 cho phù hợp tình hình hiện nay; phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn để có chính sách tín dụng nhằm giảm tổn thất trước, trong và sau thu hoạch,... Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang triển khai xây dựng Đề án chính sách tín dụng đặc thù đối với khu vực Tây Nguyên, tạo tiền đề cho việc triển khai đồng bộ và có hiệu quả các chính sách tín dụng của ngành ngân hàng tại khu vực Tây Nguyên, giúp bà con yên tâm phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hộ dân, nâng cao khả năng tiếp cận vốn của khách hàng: triển khai thực hiện các chương trình kinh tế của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo các TCTD tiếp tục nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm tín dụng phù hợp; rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn ở khu vực Tây Nguyên, như cho vay lưu vụ, cho vay thông qua chuỗi liên kết, số vay vốn thay cho hợp đồng tín dụng đối với người trồng cà phê, chè, cao su....

- Mở rộng và thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách và an sinh xã hội, từng bước nâng cao đời sống của người dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số để thực hiện được các mục tiêu đề ra của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tích cực triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định 824/QĐ-NHNN ngày 29/4/2014 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 của ngành Ngân hàng.

- Cho vay phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội gắn liền với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên khu vực Tây Nguyên, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và nước biển dâng cao.

b. Định hướng đầu tư tín dụng của ngành ngân hàng đối với lĩnh vực cà phê nói chung và cà phê Tây nguyên nói riêng

Trong thời gian tới, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín

dụng tiếp tục ưu tiên nguồn vốn đầu tư tín dụng để phát triển bền vững ngành cà phê, tập trung vào các mục tiêu sau:

- Cho vay để tái canh các vườn cà phê già cỗi: Hiện nay Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng phương án hỗ trợ tái canh cây cà phê trên địa bàn các tỉnh Tây nguyên và Báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ngày 10/12/2013 Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 10440/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, theo đó Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc đối với đề xuất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương xây dựng và phê duyệt cụ thể quy hoạch diện tích, lộ trình thực hiện cho vay tái canh cây cà phê trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Trên cơ sở nội dung quy hoạch đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương có diện tích tái canh và các cơ quan liên quan xây dựng phương án cho vay tái canh cây cà phê thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng có mức lãi suất thấp, thời gian cho vay và hoàn trả phù hợp với đặc thù tái canh cà phê, bảo đảm người trồng có đủ nguồn vốn thực hiện; đồng thời bảo đảm phù hợp với các cam kết WTO.

Hiện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang khẩn trương xây dựng quy hoạch tái canh cây cà phê để làm cơ sở cho vay của ngành ngân hàng theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Ngay sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quy hoạch tái canh cây cà phê chi tiết cho từng tỉnh và có phương án tái canh cây cà phê được phê duyệt, việc tái canh cây cà phê và cho vay tái cấp vốn để tái canh cây cà phê sẽ được triển khai thực hiện.

- Cho vay xây dựng hệ thống kho chứa: NHNN khuyến khích người trồng cà phê, các doanh nghiệp tích cực đầu tư máy móc thiết bị để giảm tổn thất sau thu hoạch và ngành ngân hàng sẽ cho vay theo chính sách ưu đãi quy định tại Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Nhà nước hỗ trợ lãi suất và cho vay theo lãi suất tín dụng đầu tư).

- Triển khai chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết 14/NQ-CP ngày 5/3/2014 của Chính phủ theo hướng đối với các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp, mô hình cánh đồng mẫu lớn, mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, mô hình chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm nông sản xuất khẩu.

- Cho vay để tăng cường chế biến sâu: Ngân hàng sẽ tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp có đề án đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng và giá trị xuất khẩu của cà phê Việt Nam. Những dự án khả thi sẽ được xem xét cho vay với thời hạn và lãi suất hợp lý.

- Tiếp tục cho vay chăm sóc cà phê: Các ngân hàng (chủ lực là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) sẽ tiếp tục và cam kết đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho người trồng cà phê để chăm sóc, chế biến cà phê, theo chính sách tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Một số đề xuất.

1. Đối với hoạt động tín dụng chính sách

- Trong điều kiện hạn chế về nguồn lực quốc gia, hệ thống chính sách dân tộc trong thời gian tới cần xây dựng theo hướng xác định các ưu tiên lớn, các lĩnh vực mũi nhọn để tập trung đầu tư và thực hiện, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Cần tập trung nguồn lực thực hiện một số chính sách đặc thù, trong đó chú trọng tới chính sách phát triển sản xuất kết nối thị trường đầu vào và đầu ra, chính sách giáo dục đào tạo và dạy nghề.

- Tập trung phát triển các vùng kinh tế trọng điểm sản xuất hàng hóa, xây dựng một số chuỗi ngành hàng chiến lược phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước, trọng tâm là sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp, nhằm kết nối thị trường cho các sản phẩm được đầu tư phát triển. Tạo điều kiện tốt nhất để đồng bào DTTS được tham gia vào các vùng, chuỗi sản phẩm này.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở những khu vực tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng cấp thôn/bản hoặc cụm thôn/bản.

- Giảm bớt số lượng văn bản chính sách để tránh sự chồng chéo về nội dung, đối tượng thụ hưởng và thời gian thực hiện chính sách, các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách nên là văn bản liên bộ thay vì nhiều văn bản hướng dẫn của từng lĩnh vực do từng Bộ, ngành ban hành.

- Chính sách cần được thiết kế linh hoạt để đảm bảo phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào DTTS và đảm bảo hiệu quả của chính sách.

- Ban hành chính sách đi đôi với công tác giám sát, đánh giá chính sách một cách thường xuyên, liên tục và có chất lượng để kịp thời điều chỉnh nội dung chính sách, cơ chế thực hiện chưa phù hợp.

2. Đối với các lĩnh vực thế mạnh của khu vực Tây Nguyên

- Tăng cường chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, người dân trồng cà phê gắn với việc xây dựng nhà máy chế biến, doanh nghiệp xuất khẩu, tăng cường liên kết chặt chẽ, cùng có lợi giữa người trồng-thu mua-chế biến và xuất khẩu cà phê trong một chuỗi giá trị bền vững để đẩy nhanh quá trình tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao làm cơ sở cho việc triển khai cho vay theo chuỗi liên kết của ngành ngân hàng.

- Tăng cường chế biến sâu sản phẩm cà phê xuất khẩu để từng bước thay thế xuất khẩu cà phê nguyên liệu.

- Tăng cường quảng bá cà phê Việt Nam và có chiến lược phát huy vị thế là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong việc chi phối giá cà phê quốc tế để ổn định và nâng cao đời sống của người trồng cà phê trong nước.

- Ngoài cây cà phê, các tỉnh Tây Nguyên cần tập trung phát triển các cây công nghiệp dài ngày khác như: cây cao su, cây hồ tiêu, chè...

II. Kiến nghị.

1. Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách tháo gỡ khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, triển khai các giải pháp thu hút nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đồng thời có giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân và tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn này.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục xây dựng các chính sách đặc thù phù hợp với đồng bào Tây Nguyên, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số như: chính sách về đất ở, xóa đói, giảm nghèo, di dân tự do, tuyên truyền pháp luật.

2. Đối với các Bộ, ngành

- Đề nghị các Bộ, ngành tăng cường công tác phối hợp trong việc nghiên cứu, xây dựng cũng như hướng dẫn, theo dõi tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Đề nghị các Bộ, ngành tiếp tục phối hợp rà soát để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đối với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo cho phù hợp với thực tế hiện nay và tình hình trong thời gian tới.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù đối với kinh tế Tây Nguyên, làm cơ sở triển khai các chính sách của các Bộ, Ngành có liên quan.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản cần phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương có liên quan nghiên cứu, ban hành chính sách quy hoạch và quản lý quy hoạch ổn định và tái canh các vườn cà phê già cỗi, có sản lượng và chất lượng thấp ở khu vực Tây Nguyên, đồng thời có quy hoạch phát triển cà phê bền vững hợp lý và đồng bộ nhằm tháo gỡ

khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê.

3. Đối với chính quyền địa phương

- Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách, lồng ghép có hiệu quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư với hoạt động tín dụng chính sách.

- Đề nghị HĐND, UBND các tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương cho NHCSXH để đảm bảo nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.

THÀNH VIÊN TỔ SOẠN THẢO